TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HC-ST

Ngày: 27- 02- 2019

V/v khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Mạo;

Ông Hoàng Thăng Bắc.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Huyền Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Học - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 27 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLST-HC ngày 09 tháng 7 năm 2018 về khiếu kiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HC ngày 02 tháng 01 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HC, ngày 17/01/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/QĐST-HC, ngày 13/02/2019 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nông Văn H; sinh năm 1961.

Địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Đinh Anh H - Chủ tịch UBND thị trấn Ch.

Địa chỉ: Tiểu khu 7, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nông Văn T; sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tiểu khu 6, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Đồng Minh Ngh; sinh năm 1960; vắng mặt.

Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nình Văn Đ; sinh năm 1960; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn H; sinh năm 1977; vắng mặt.

- Ông Hoàng Văn Ch; sinh năm 1974; vắng mặt.

- Ông Sầm Văn D; sinh năm 1967; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; Chức vụ: Trưởng Công an thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Ông Hoàng Thế Tr, sinh năm 1985; Chức vụ: Công chức phụ trách địa chính, xây dựng, đô thị và môi trường của Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

- Ông Bế Xuân L, sinh năm 1975; Chức vụ: Công chức phụ trách địa chính, xây dựng, đô thị và môi trường của Ủy ban nhân dân thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 6 năm 2018; các bản khai tại tòa án, người khởi kiện - ông Nông Văn H trình bày:

Năm 2008 Nhà nước thu hồi đất của gia đình ông để làm đường Quốc lộ 279. Gia đình có đất ở trước ngày 15/10/1993, có giấy tờ mua bán trao đổi bằng hiện vật. Do không có nhu cầu nên gia đình đã dỡ nhà, trồng cây ăn quả trên đất ở. Khi bồi thường đất thu hồi, Hội đồng bồi thường huyện B cho rằng gia đình ông không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên không được bồi thường đất ở, chỉ được bồi thường đất trồng cây ăn quả. Gia đình ông đã nhận tiền bồi thường đất trồng cây ăn quả. Sau khi đã nhận tiền bồi thường của Nhà nước, gia đình ông mới tìm đọc, tham khảo Luật đất đai phát hiện việc làm sai trái của Hội đồng bồi thường huyện B nên ông đã làm đơn kiến nghị Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B xem xét giải quyết trả lại đất cho dân. Uỷ ban nhân dân huyện B đã có Công văn trả lời nhưng không thuyết phục. Gia đình ông rất bức xúc vì không được trả lại đất, trong khi đó gia đình thiếu đất sản xuất, canh tác trồng màu, đất làm trang trại. Từ những bức xúc đó, gia đình ông đã thuê người xây móng để dựng nhà gỗ trên đất nền nhà cũ làm trang trại chăn nuôi. Quá trình xây dựng, UBND thị trấn Ch cử cán bộ địa chính đến lập biên bản kiểm tra ngày 09/5/2017. Trong biên bản kiểm tra ngày 09/5/2017 của UBND thị trấn Ch, ông

có được ký tên đại diện gia đình. Sau đó đến ngày 27/12/2017 UBND thị trấn có mời ông lên trụ sở Ủy ban thị trấn Ch để lập biên bản vi phạm hành chính nhưng ông không ký tên trong biên bản. Ngày 28/12/2017, Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định số 894/QĐ- UBND xử phạt vi phạm hành chính đối với ông về hành vi chiếm đất, hình thức xử phạt chính là phạt tiền 4.000.000^{đ} (Bốn triệu đồng), biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục tình trạng của đất trước khi vi phạm.

Không nhất trí với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên nên ngày 02/4/2018 ông Nông Văn H làm đơn khiếu nại gửi UBND thị trấn Ch. Ngày 07/5/2018 Chủ tịch UBND thị trấn Ch đã ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND V/v giải quyết khiếu nại của ông Nông Văn H (lần đầu), giữ nguyên nội dung Quyết định 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017.

Ngày 18/5/2018, Chủ tịch UBND thị trấn tiếp tục ban hành Quyết định số 386/QĐ-SĐXPVPHC có nội dung sửa đổi, bổ sung quyết định số 894, ngày 28/12/2017 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Quyết định 386 đã mô tả rõ hành vi vi phạm hành chính, sửa đổi diện tích đất vi phạm tăng lên là 104m^2 và ghi rõ vị trí thửa đất vi phạm. Sau khi nhận được Quyết định 386, ông Nông Văn H không có khiếu nại, khiếu kiện đối với quyết định này.

Ngày 18/6/2018, ông Nông Văn H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B xem xét hủy Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Lý do khởi kiện:

1/Quyết định 894 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông là không đúng đối tượng vi phạm. Trên thực tế con trai ông - anh Nông Văn T mới là người vi phạm.

2/Quyết định 894 được ban hành căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính lập ngày 27/12/2017 tại trụ sở UBND thị trấn Ch là không đúng trình tự thủ tục (sai phạm ở đâu phải lập biên bản ở đó).

3/ Quyết định 894 căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính ghi sơ sài, không đúng diện tích vi phạm, không có số thửa, giáp ranh do UBND thị trấn không kiểm tra thực tế tại hiện trường nơi xảy ra vi phạm, không tiến hành đo đạc diện tích vi phạm.

4/ Quyết định giải quyết khiếu nại số 315 giữ nguyên Quyết định 894 là ông không nhất trí vì lẽ ra khi phát hiện có sai phạm thì Chủ tịch UBND thị trấn phải hủy bỏ Quyết định 894 để thay thế bằng Quyết định khác nhưng Chủ tịch UBND thị trấn Ch lại ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại giữ nguyên Quyết định 894 là không đúng.

Do vậy ông H đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định 894 và Quyết định 315.

Tại văn bản số 625/CV-UBND ngày 19/7/2018 và tại các bản khai người bị kiện là chủ tịch UBND thị trấn Ch do ông Đinh Anh H1 đại diện theo pháp luật trình bày:

Chủ tịch UBND thị trấn Ch không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông H, bởi lẽ: Thực tế ông Nông Văn H đã có hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý để xây dựng nhà tại tiểu khu 1, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hành vi chiếm đất của ông H đã vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Việc ông H cho rằng Quyết định 894 xử phạt không đúng đối tượng vi phạm là không có căn cứ vì khi đi xác minh, kiểm tra tại địa điểm phát sinh vi phạm vào ngày 09/5/2017 bản thân ông H có được ký tên đại diện gia đình trong biên bản kiểm tra, ngoài ra các loại đơn từ, giấy tờ, lập biên bản đều có tên và chữ ký của ông Nông Văn H.

Việc ông H cho rằng Quyết định 894 căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính lập không đúng diện tích vi phạm, không có số thửa, giáp ranh do UBND thị trấn không kiểm tra thực tế tại hiện trường nơi xảy ra vi phạm, không tiến hành đo đạc diện tích vi phạm là không có căn cứ vì: Tại Biên bản kiểm tra ngày 09/5/2017 về việc xác định việc xây dựng nhà trên đất đã thu hồi Quốc lộ 279, đoàn kiểm tra đã xuống hiện trường nơi xảy ra vi phạm và tiến hành đo đạc diện tích vi phạm, bản thân ông H có mặt ở đó và có được ký tên đại diện gia đình trong biên bản kiểm tra. Sau đó ngày 05/12/2017 tổ kiểm tra của UBND thị trấn Ch lại xuống hiện trường kiểm tra, đo đạc có gọi ông H nhưng ông H không đến địa điểm vi phạm do vậy không ký tên trong biên bản, tuy nhiên khi kiểm tra xác định ông H vẫn tiếp tục đổ bê tông, giằng móng. Do vậy ngày 27/12/2017 Chủ tịch UBND thị trấn đã mời ông H đến trụ sở UBND thị trấn để lập biên bản vi phạm hành chính . Theo ông H1 thì trong Luật xử lý vi phạm hành chính không có điều luật nào quy định là vi phạm ở đâu thì phải lập biên bản ở đó. Do vậy việc UBND thị trấn Chợ Rã lập biên bản vi phạm hành chính tại trụ sở UBND thị trấn là không sai.

Ủy ban nhân dân thị trấn Ch thừa nhận quá trình đi kiểm tra vào các ngày 09/5/2017 và 05/12/2017 tổ kiểm tra tiến hành đo đạc diện tích chưa chính xác (diện tích ghi trong biên bản là 82m^2, diện tích vi phạm thực tế là 104m^2) và việc xác định vị trí thửa đất ông H chiếm để xây dựng nhà trong biên bản ghi chưa cụ thể, chi tiết; biên bản vi phạm hành chính ngày 27/12/2017 căn cứ vào các biên bản kiểm tra trước đó lập còn sơ sài, có thiếu sót. Song những sai sót này không làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định vì thực tế ông H đã có hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý và nội dung, trình tự, thủ tục cũng như thẩm quyền ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H là đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính do vậy Chủ tịch UBND thị trấn Ch đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 315 có nội dung giữ nguyên QĐ số 894. Mặt khác, sau khi phát hiện ra sai sót, UBND thị trấn Ch đã tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với ông Nông Văn H và ngày 18/5/2018 Chủ tịch UBND thị trấn Ch đã ban hành Quyết định số 386/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2018 đã sửa đổi, bổ sung Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 trong đó nêu rõ hành vi vi phạm hành chính, vị trí thửa đất và diện tích đất vi phạm. Việc ban hành Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018 là đúng theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

Sau khi nhận được Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018, ông Nông Văn H nhất trí, không có khiếu nại, khiếu kiện đối với Quyết định này.

Từ những căn cứ nêu trên, có cơ sở khẳng định Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thị trấn Ch được ban hành đúng quy định của pháp luật. Do vậy Chủ tịch UBND thị trấn Ch đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn H.

Trong các biên bản lấy lời khai tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nông Văn T trình bày: Việc Chủ tịch UBND thị trấn Ch, huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bố anh (ông Nông Văn H) là không đúng người vi phạm vì tháng 5/2017 bố anh có đào móng và xây móng nhà trên diện tích đất của gia đình đã được Nhà nước thu hồi. Tuy nhiên sau khi tổ kiểm tra của UBND thị trấn Ch lập biên bản và yêu cầu dừng thi công thì ông H đã dừng việc thi công. Sau đó đến cuối tháng 11, đầu tháng 12/2017 anh là người đứng ra thuê người về tiếp tục cải tạo móng cũ mà trước đó bố anh thuê người về làm, ngoài ra có đào mở rộng thêm sau đó dựng nhà gỗ trên đất. Mục đích anh dựng nhà gỗ để làm trang trại chăn nuôi, tăng thu nhập cho gia đình.

Anh T cho rằng anh mới là người thực hiện hành vi chiếm đất làm nhà chứ không phải bố anh. Chủ tịch UBND thị trấn Ch, huyện B ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bố anh là sai đối tượng. Đề nghị Tòa án xem xét hủy Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ- UBND của Chủ tịch UBND thị trấn Ch như yêu cầu của người khởi kiện.

Người làm chứng ông Nình Văn Đ trình bày: Anh Nông Văn T là người đã thuê ông về làm móng, dựng nhà gỗ cho anh T. Tiền công làm móng, dựng nhà là 15.000.000 đồng, trong đó tiền công làm móng là 5.000.000 đồng, còn tiền công dựng nhà là 10.000.000 đồng, do anh Nông Văn T trả cho ông sau khi dựng nhà xong.

Thời gian bắt đầu thi công là từ đầu tháng 5 năm 2017. Sau khi xây móng xong thì có dừng thi công một thời gian, sau đó đến giữa tháng 11/2017 lại tiếp tục làm đến khoảng đầu tháng 12/2017 thì hoàn thiện phần khung nhà gỗ, nhưng chưa xây tường bao. Lúc ông đến làm thì phần móng đã được gia đình anh T đào từ trước, ông chỉ xây móng và đổ bê tông giằng móng, sau đó cùng với các ông Hoàng Văn Ch, Ông Sằm Văn D, Ông Hoàng Văn H, Ông La Dương Ph dựng nhà gỗ trên đất.

Những người làm chứng ông Hoàng Văn Ch, ông Sằm Văn D, ông Hoàng Văn H đều trình bày: Các ông này không biết ông Nông Văn H và anh Nông Văn T. Các ông chỉ biết đi làm cùng ông Nình Văn Đ. Mọi việc giao dịch nhận làm thuê là do ông Nình Văn Đ đứng ra giao dịch. Các ông không được tham gia làm móng, chỉ được ông Nình Văn Đ gọi đi dựng nhà gỗ cho gia đình ông H. Ông Nình Văn Đ đứng ra nhận tiền công sau đó mọi người chia nhau. Bắt đầu dựng nhà từ giữa tháng 11/2017, đến khoảng đầu tháng 12/2017 thì hoàn thiện phần khung nhà gỗ, nhưng chưa xây tường bao.

Những người làm chứng ông Bế Xuân L, Hoàng Thế Tr và Nguyễn Văn V đều trình bày: Vào các ngày 09/5/2017, ngày 05/12/2017 các ông có được UBND thị trấn Ch cử xuống hiện trường đo đạc, kiểm tra và lập biên bản việc đào móng, xây móng để dựng nhà của ông H; ngày 27/12/2017 các ông có được tham gia lập biên bản về việc vi phạm hành chính đối với ông Nông Văn H.

Ngày 09/5/2017 khi tổ kiểm tra của UBND thị trấn Ch xuống hiện trường nơi ông H chiếm đất thì tổ kiểm tra có tiến hành đo đạc để xác định diện tích vi phạm. Thời điểm đo thì diện tích vi phạm là 82m^2. Tại thời điểm kiểm tra ngày 09/5/2017, ông H có mặt ở địa điểm vi phạm và có ký tên đại diện gia đình vào biên bản kiểm tra.

Ngày 05/12/2017 khi tổ kiểm tra của UBND thị trấn Ch xuống hiện trường kiểm tra thì ông H không có mặt. Hiện trạng lúc đó ông H đã đổ bê tông, giằng móng và đã dựng xong khung nhà gỗ. Tuy nhiên trong biên bản kiểm tra chỉ ghi "Hiện nay ông Nông Văn H tiếp tục đổ bê tông giằng móng" mà không ghi hiện trạng đã dựng xong khung nhà gỗ vì thời điểm lập biên bản ông H không có mặt nên chưa xác định được ai là người đứng ra dựng nhà gỗ trên phần móng mà ông H đã xây.

Ngày 27/12/2017, các ông có được tham gia trong thành phần tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nông Văn H tại trụ sở UBND thị trấn Ch.Thành phần tiến hành lập biên bản gồm có ông Đinh Anh H - Chủ tịch UBND thị trấn Ch; ông Hoàng Thế Tr - Công chức địa chính, xây dựng; ông Nguyễn Văn V - Trưởng Công an thị trấn và ông Bế Xuân L - Công chức địa chính, môi trường. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính, ông H có mặt nhưng không ký vào biên bản.

Trong quá trình giải quyết vụ án,Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai việc giao nộp chứng cứ để các bên đương sự thực hiện quyền tiếp cận chứng cứ, các bên đương sự đều nhất trí không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ mà các bên đã giao nộp và tài liệu do tòa án thu thập, các bên đương sự không yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu chứng cứ và không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng.

Tòa án cũng đã tiến hành mở phiên đối thoại để các bên thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án tuy nhiên người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên quyết định hành chính bị khởi kiện. Do vậy Tòa án nhân dân huyện B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa:

Người khởi kiện, người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Hoạt động tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân huyện B là đúng qui định của pháp luật.

+ Hoạt động tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

+ Đương sự trong vụ án được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ do vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. Tuyên hủy Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND thị trấn Chợ Rã về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 28/12/2017 Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 894/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nông Văn H.

Không nhất trí với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên nên ngày 02/4/2018 ông Nông Văn H làm đơn khiếu nại gửi UBND thị trấn Ch. Đề nghị UBND thị trấn Ch xem xét hủy QĐ 894 và ra quyết định mới xử phạt đúng người, đúng diện tích, biên bản ghi rõ nơi xây dựng.

Ngày 07/5/2018 Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND giữ nguyên nội dung Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại, ông H cho rằng Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch là trái pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của ông nên ngày 18/6/2018, ông Nông Văn H làm đơn khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B xem xét hủy Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu), là còn trong thời hiệu khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính. Vì vậy Tòa án nhân dân huyện B đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét tính hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành quyết định:

Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính; Điều 17 Luật khiếu nại; Khoản 2 Điều 10, Khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP, ngày 10/11/2014 của Chính phủ.

[2.2] Về thời hiệu, thời hạn, trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Về thời hiệu, thời hạn ban hành các quyết định:

Theo hồ sơ vụ án thì ngày 09/5/2017 UBND thị trấn Ch phát hiện ông Nông Văn H có hành vi vi phạm hành chính nên đã lập biên bản kiểm tra xác định ông H có hành vi xây móng nhà trong chỉ giới thu hồi của đường QL 279. Ngày 27/12/2017 Chủ tịch UBND thị trấn Ch lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông H. Đến ngày 28/12/2017 Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nông Văn H là vẫn còn thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 27/12/2017 UBND thị trấn Ch lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông H. Ngày 28/12/2017 Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nông Văn H là tuân thủ về thời hạn ra quyết định xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Theo lời khai của ông H thì ông nhận được Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Biên bản vi phạm hành chính do UBND thị trấn Ch gửi đến qua đường bưu điện. Thời gian nhận được vào ngày 02/01/2018 (Do thời gian này trùng vào dịp nghỉ tết dương lịch, ông H có về quê ở Cao Bằng, đến ngày 02/01/2018 ông H trở về nhà thì mới nhận được Quyết định). Tại phiên tòa, Chủ tịch UBND thị trấn Ch cũng thừa nhận UBND thị trấn gửi Quyết định 894 qua đường bưu điện, thời gian gửi là ngày 29/12/2017, nên thời điểm ông H nhận được Quyết định 894 là phù hợp với thời gian gửi. Do vậy xác định ngày ông H nhận được Quyết định 894 là vào ngày 02/01/2018. Sau khi nhận được Quyết định trên, ông không nhất trí nên ngày 02/4/2018 ông gửi đơn khiếu nại đến UBND thị trấn Ch là vẫn còn trong thời hiệu khiếu nại theo quy định tại

Điều 9 Luật khiếu nại.

Ngày 02/4/2018 UBND thị trấn Ch nhận được đơn khiếu nại của ông H. Ngày 07/5/2018 Chủ tịch UBND thị trấn Chợ Rã ban hành Quyết định số 315/QĐ-UBND V/v giải quyết khiếu nại của ông Nông Văn H (lần đầu) là đúng thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu theo quy định tại Điều 28 Luật khiếu nại.

Về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định:

Hành vi chiếm đất do nhà nước quản lý của ông H đã được UBND thị trấn Ch, huyện B tiến hành lập biên bản kiểm tra thực địa vào ngày 09/5/2017 và yêu cầu ông H dừng việc thi công xây dựng công trình trên đất đã thu hồi. Tại biên bản kiểm tra này, xác định hiện trạng ông Nông Văn H đang xây móng nhà trong chỉ giới thu hồi của đường QL279, diện tích 82m^2, ông H đã thừa nhận hành vi trên và có ký tên đại diện gia đình. Ngày 05/12/2017, UBND thị trấn Ch tiến hành kiểm tra thì phát hiện ông H vẫn tiếp tục đổ bê tông, giằng móng nên đã lập biên bản kiểm tra. Ngày 27/12/2017, UBND thị trấn Ch đã mời ông H ra trụ sở UBND thị trấn và lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai nhưng biên bản vi phạm hành chính chỉ căn cứ vào biên bản kiểm tra ngày 05/12/2017 là còn thiếu sót. Lẽ ra biên bản vi phạm hành chính phải căn cứ vào cả hai biên bản kiểm tra ngày 09/5/2017 và ngày 05/12/2017 mới đầy đủ. Đây là sơ suất của cán bộ lập biên bản, tuy nhiên thiếu sót này không làm thay đổi bản chất của vụ việc vì thực tế ông H là người đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính chiếm đất do Nhà nước quản lý thông qua việc thuê người về đào móng, xây móng nhà trên đất Nhà nước đã thu hồi và tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận việc làm trên của mình.

Việc ông Hanh cho rằng ngày 12/12/2017 UBND thị trấn Ch mời ông ra trụ sở UBND thị trấn để lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai là không đúng trình tự, thủ tục (sai phạm ở đâu phải lập biên bản ở đó) là không có cơ sở bởi lẽ tại Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định về việc lập biên bản vi phạm hành chính không có quy định là vi phạm ở đâu thì phải lập biên bản ở đó. Do vậy Chủ tịch UBND thị trấn Ch căn cứ Biên bản vi phạm hành chính ngày 27/12/2017 đã ban hành QĐ số 894 ngày 28/12/2017 V/v xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nông Văn H là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 57; Điều 58 Điều 67 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 02/4/2018, UBND thị trấn Ch nhận được đơn khiếu nại của ông H. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thị trấn Ch đã tiến hành thụ lý, xác minh nội dung khiếu nại, tổ chức đối thoại và ngày 07/5/2018 đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 315 V/v giải quyết khiếu nại của ông

Nông Văn H (lần đầu) là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ; Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Tổng thanh tra Chính phủ.

[2.3] Về hình thức của các quyết định hành chính bị khởi kiện:

Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 đã áp dụng Điều 68 Luật xử lý vi phạm hành chính và soạn thảo theo biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định về một số biểu mẫu trong xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 đã áp dụng Điều 31 Luật khiếu nại năm 2011 và soạn thảo theo biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư 07/2013/TT-TTCP, ngày 31/10/2013 của Tổng Thanh tra Chính phủ là đúng quy định của pháp luật.

[2.4] Về nội dung của các quyết định hành chính:

Khu đất của gia đình ông Nông Văn H thuộc địa phận tiểu khu 1, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, đã được Nhà nước thu hồi, đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định. Tuy nhiên tháng 5/2017, ông H đã có hành vi thuê người về đào móng và xây móng nhà trong chỉ giới đất Nhà nước đã thu hồi. Do vậy ngày 27/12/2017, Chủ tịch UBND thị trấn Ch lập Biên bản vi phạm hành chính và ngày 28/12/2017 ban hành QĐ số 894 V/v xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông Nông Văn H về hành vi chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở theo khoản 2 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP với hình thức xử phạt chính là phạt tiền 4 triệu đồng, biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục tình trạng của đất trước khi vi phạm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc ông H cho rằng Quyết định 894 xử phạt không đúng đối tượng vi phạm là không có cơ sở bởi lẽ:

Tại Biên bản kiểm tra ngày 09/5/2017 xác định hiện trạng ông Nông Văn H đang xây móng nhà trong chỉ giới thu hồi của đường QL279, diện tích 82m^2, ông H đã thừa nhận hành vi và có ký tên đại diện gia đình.

Ngày 16/5/2017 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B chủ trì phối hợp với Phòng kinh tế hạ tầng, Ban QLDA đầu tư & xây dựng huyện B kiểm tra làm rõ diện tích đất mà hộ gia đình ông Nông Văn H đang xây dựng tại tiểu khu 1, thị trấn Ch. Qua kiểm tra xác định móng nhà ông H đang xây dựng tại tiểu khu 1, thị trấn Ch nằm trong diện tích đất đã được thu hồi. Hiện nay gia đình ông đã xây dựng xong phần móng nhà bằng đá hộc với diện tích là 82m^2. Ông H có mặt tại buổi kiểm tra trên và đã ký tên đại diện hộ gia đình.

Ngày 04/6/2017, ông H có làm đơn kiến nghị gửi UBND thị trấn Ch, UBND huyện B và các phòng, ban của UBND huyện B, trong đó có trình bày

nội dung: "*...Hiện nay gia đình tôi có làm móng nhà bằng đá hộc trên nền nhà cũ chưa được đền bù thỏa đáng. UBND huyện cho là vi phạm, bắt tôi tháo dỡ là không công bằng và không đúng luật pháp của Nhà nước.*

Tôi kiến nghị: Nếu UBND huyện B cưỡng chế phần công trình của tôi (Tôi là người "vi phạm" sau cùng nhất), thì theo tôi được biết...".

Quá trình Tòa án tiến hành lấy lời khai và tại phiên tòa, ông H khai gia đình ông rất bức xúc về việc UBND huyện B thu hồi đất của gia đình để làm đường 279 nhưng đền bù không thỏa đáng, do vậy gia đình đã thuê người đào và xây móng nhà trên diện tích đất của gia đình đã bị thu hồi mục đích để dựng nhà gỗ cho con trai và con dâu ông làm trang trại chăn nuôi, nhưng đang làm dở thì UBND thị trấn đến kiểm tra lập biên bản thì ông đã dừng việc làm móng, còn nhà gỗ dựng trên móng đó là do con trai ông là anh Nông Văn T thuê người dựng chứ ông không được dựng, lẽ ra Chủ tịch UBND thị trấn Ch phải xử phạt đối với con trai ông mới đúng. Ông H cũng khai nhận anh T là con trai ông, sinh sống cùng hộ gia đình ông, trong gia đình thì ông là chủ hộ.

Quá trình lấy lời khai, anh Nông Văn T cũng khai nhận bản thân anh và vợ con sinh sống cùng hộ gia đình ông H,trong gia đình thì ông H là chủ hộ. Gia đình anh rất bức xúc về việc UBND huyện B thu hồi đất của gia đình để làm đường 279 nhưng đền bù không thỏa đáng. Do vậy tháng 5/2017 bố anh là ông Nông Văn H có đào móng và xây móng trên diện tích đất của gia đình đã được Nhà nước thu hồi, mục đích dựng nhà gỗ để vợ chồng anh làm trang trại chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Tuy nhiên sau khi tổ kiểm tra của UBND thị trấn Ch lập biên bản yêu cầu dừng thi công thì ông H đã dừng việc thi công. Sau đó đến cuối tháng 11, đầu tháng 12/2017 anh là người đứng ra thuê người về tiếp tục cải tạo móng cũ mà trước đó bố anh thuê người về làm, ngoài ra có đào mở rộng thêm sau đó dựng nhà gỗ trên đất.

Hội đồng xét xử thấy rằng ông H và anh T đều có lời khai thống nhất là do bức xúc đối với việc UBND huyện B thu hồi đất của gia đình để làm đường 279 nhưng đền bù không thỏa đáng nên tháng 5/2017 ông H có được thuê người về đào móng và xây móng nhà trên diện tích đất của gia đình đã được Nhà nước thu hồi tại tiểu khu 1, thị trấn Ch, huyện B, mục đích để dựng nhà gỗ làm trang trại chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Ngày 09/5/2017 tổ kiểm tra của UBND thị trấn Ch lập biên bản yêu cầu ông H dừng việc thi công thì ông H đã dừng không thi công nữa. Tuy nhiên sau đó đến cuối tháng 11/2017 ông H lại cho con trai mình là anh Nông Văn T thuê người về tiếp tục cải tạo móng cũ mà trước đó ông H đã xây, ngoài ra có đào mở rộng thêm sau đó dựng nhà gỗ trên đất để làm trang trại chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình. Lời khai của ông H và anh T phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ là các Biên bản kiểm tra ngày 09/5/2017, ngày 05/12/2017, Biên bản vi phạm hành chính ngày 27/12/2017 của UBND thị trấn Ch và các tài liệu chứng cứ khác. Do vậy xác định ông H đã thực hiện hành vi chiếm đất đã được thu hồi do Nhà nước quản lý (đất phi nông nghiệp không phải là đất ở) thông qua việc thuê người về đào và xây móng nhà.

Qua lời khai của ông H và anh T có thể thấy gia đình ông đã có sự bàn bạc và thống nhất về mục đích của việc chiếm đất là để dựng nhà gỗ làm trang trại chăn nuôi. Khi phát hiện hành vi đào móng và xây móng nhà của ông H, UBND thị trấn Ch đã lập biên bản yêu cầu dừng thi công. Ông H nhận thức được hành vi chiếm đất của mình là sai trái, vi phạm pháp luật nên đã dừng thi công. Nhưng sau đó đến cuối tháng 11/2017 ông H lại cho con trai mình là anh Nông Văn T thuê người về dựng nhà gỗ trên phần móng ông H đã xây. Anh Nông Văn T là thành viên sinh sống cùng hộ gia đình ông H, ông H là chủ hộ và là người khởi xướng việc chiếm đất do vậy Chủ tịch UBND thị trấn Ch xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H về hành vi chiếm đất do Nhà nước quản lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc ông H cho rằng Quyết định 894 căn cứ vào biên bản vi phạm hành chính ghi sơ sài, không đúng diện tích vi phạm, không có số thửa, giáp ranh là có cơ sở. Đây là thiếu sót của UBND thị trấn Ch trong quá trình lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông H. Tuy nhiên những sai sót này không làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định do vậy khi phát hiện ra sai sót, Chủ tịch UBND thị trấn Ch đã ban hành Quyết định số 386/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2018 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 trong đó nêu rõ hành vi vi phạm hành chính, vị trí thửa đất và diện tích đất vi phạm đúng với vi phạm thực tế của ông H. Việc ban hành Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018 là đúng theo quy định tại Nghị định số 97/2017/NĐ-CP, ngày 18/8/2017 của Chính phủ. Sau khi nhận được Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018, ông Nông Văn H nhất trí, không có khiếu nại, khiếu kiện đối với Quyết định này. Tại phiên tòa ông H cũng thừa nhận Quyết định 386 sửa đổi, bổ sung diện tích vi phạm là 104m^2 và những sửa đổi, bổ sung khác trong quyết định này là đúng với thực tế vi phạm hành chính.

Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 315, ngày 07/5/2018, HĐXX thấy rằng: Ngày 30/3/2017 ông H làm đơn khiếu nại gửi UBND thị trấn Chợ Rã đề nghị UBND thị trấn Chợ Rã xem xét hủy Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và ra quyết định mới đúng đối tượng vi phạm, đúng diện tích, biên bản ghi rõ nơi xây dựng.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thị trấn Ch đã thành lập tổ xác minh, tiến hành xác minh nội dung khiếu nại. Quá trình xác minh xác định: khi đi kiểm tra tại địa điểm phát sinh vi phạm cũng như các loại đơn từ, giấy tờ, lập biên bản đều có tên và chữ ký của ông Nông Văn H nên xác định việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông H là đúng người vi phạm; diện tích đất ông H đã chiếm để xây dựng nhà ở so với diện tích đo ngày 09/5/2017 có sự tăng lên (diện tích ghi trong biên bản là 82m^2, diện tích vi phạm thực tế là 104m^2). Tuy nhiên trong Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017

không ghi diện tích vi phạm, hơn nữa theo quy định tại Điều 5 và Điều 10 của Nghị định 102/2014/NĐ-CP thì mức xử phạt tiền đối với hành vi lấn, chiếm đất không phụ thuộc vào quy mô diện tích đất bị vi phạm. Do vậy việc Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 giữ nguyên nội dung Quyết định 894 ngày 28/12/2017 là không vi phạm.

[2.5] Xét tính hợp pháp và tính có căn cứ của văn bản hành chính có liên quan.

Để xem xét, đánh giá tính hợp pháp của Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch, Hội đồng xét xử thấy cần đánh giá, xem xét tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan đó là Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch V/v sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017.

- Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định số 386/QĐ-SĐXPVPHC ngày 18/5/2018 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính và Khoản 8 Điều 1 của Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Về trình tự, thủ tục ban hành quyết định: Ngày 15/5/2018, tổ xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính đối với ông Nông Văn H đã tiến hành lập biên bản xác minh tình tiết vụ việc vi phạm hành chính, sau đó ngày 18/5/2018 tổ trưởng tổ xác minh làm tờ trình đề xuất Chủ tịch UBND thị trấn Ch ra Quyết định sửa đổi bổ sung Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với ông H. Ngày 18/5/2018, Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC sửa đổi, bổ sung quyết định số 894 trong đó nêu rõ hành vi vi phạm hành chính, vị trí thửa đất và diện tích đất vi phạm đúng như thực tế hiện trạng vi phạm hành chính. Việc ban hành Quyết định 386 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính; Khoản 8 Điều 1 của Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Về thời hạn ban hành quyết định: Quyết định số 386/QĐ-SĐXPVPHC, của Chủ tịch UBND thị trấn Ch V/v sửa đổi, bổ sung quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 được ban hành ngày 18/5/2018 là còn thời hạn theo quy định tại khoản 10 Điều 1 của Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ.

- Về hình thức: Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018 đã áp dụng theo biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ quy định về một số biểu mẫu trong xử lý vi phạm hành chính là đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Sau khi phát hiện ra Quyết định 894 có sự sai sót về nội dung nhưng không làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định nên ngày 18/5/2018 Chủ tịch UBND thị trấn Ch đã ban hành Quyết định số 386/QĐ-SĐXPVPHC sửa đổi, bổ sung làm rõ những thiếu sót của Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 trong đó nêu rõ hành vi vi phạm hành chính, vị trí thửa đất và diện tích đất vi phạm đúng như thực tế hiện trạng vi phạm hành chính, chứ không thay đổi nội dung của quyết định 894. Việc ban hành Quyết định 386 là phù hợp với quy định của Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ. Sau khi ban hành Quyết định 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018, ông Nông Văn H nhất trí, không có khiếu nại, khiếu kiện đối với Quyết định này.

Như vậy, Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định số 386/QĐ-SĐXPVPHC, ngày 18/5/2018 sửa đổi, bổ sung Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Từ những phân tích ở trên, HĐXX có cơ sở khẳng định việc Chủ tịch UBND thị trấn Ch ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28/12/2017 và Quyết định giải quyết khiếu nại số 315/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 đối với ông Nông Văn H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy cần bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn H đối với Chủ tịch UBND thị trấn Ch.

[2.6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là không có cơ sở, nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí: Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện nên người khởi kiện phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015.

Căn cứ Điều 6, khoản 3 Điều 18, Khoản 1 Điều 38, các Điều 57, 58, 66, 67 và 68 Luật xử lý vi phạm hành chính 2012; các Điều 9, 17 và 31 Luật khiếu nại 2011; Khoản 2 Điều 10, Khoản 1 Điều 31 Nghị định 102/2014/NĐ-CP, ngày

10/11/2014 của Chính phủ; Khoản 8, khoản 10 Điều 1 Nghị định 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 của Chính phủ; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn H đối với Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc: Yêu cầu hủy Quyết định số 894/QĐ-XPVPHC ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và Quyết định số 315/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch UBND thị trấn Ch về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu).

Về án phí: Ông Nông Văn H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03613, quyển số 73, ngày 02/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B. Ông Nông Văn H đã nộp đủ tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người bị kiện có mặt có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh BK;
- VKS tỉnh Bắc Kạn;
- VKS huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 196 của Luật TTHC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-HC:</u>

(1) Ghi tên Tòa án ra bản án. Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án (ví dụ: Số: 98/2017/HC-ST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi trích yếu vụ án (ví dụ: về khiếu kiện quyết định thu hồi đất).

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi tương tự hướng dẫn tại điểm (1) nhưng thay các chữ "Tòa án nhân dân" bằng "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại...). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày là 02 ngày thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 05 và 06 tháng 12...); nếu số ngày từ 03 ngày trở lên thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 05 đến ngày 07 tháng 12 năm ...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày ... tháng ... đến ngày ... tháng ... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28 tháng 11 đến ngày 02 tháng 12 năm ...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm ...).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý (ví dụ: số 19/2017/TLST-HC).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Người khởi kiện là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh). Người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người khởi kiện và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người khởi kiện; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của người khởi kiện (Giám đốc Công ty TNHH Thanh Nhung).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện; ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người khởi kiện thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện nào.

(16) Nếu người bị kiện là người có thẩm quyền thì ghi chức danh của người bị kiện (ví dụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).

(19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú của người đó (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).

(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(25) Trong phần này ghi rõ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; đề nghị, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, trong đó ghi rõ ý kiến của Viện

kiểm sát về các tình tiết, những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh trong bản án, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và áp dụng pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có) để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về những tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận từng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự; của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(28) Quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, về án phí, chi phí tố tụng (nếu có) và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 196 của Luật TTHC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA

PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)